

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 321/2020/DS-PT  
Ngày 28-12-2020  
V/v tranh chấp giao dịch  
dân sự về hội

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Trúc

*Các Thẩm phán:*

Ông Đào Minh Đa

Ông Nguyễn Văn Tài

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 387/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp giao dịch dân sự về hội”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 344/2020/QĐPT-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 3/9, khu phố Đông Tân, phường A, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 15A, khu phố 2, thị xã K, tỉnh Long An; chỗ ở hiện nay: Số 95A, khu phố 5, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương - là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 13/5/2020).

**- Bị đơn:**

1. Ông Võ Văn N, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 130, khu phố A, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Phan Văn B, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 154/30, khu phố Đ, phường H, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

3. Bà Nguyễn Thị Kim L1 (tên gọi khác: E), sinh năm 1967; địa chỉ: Số 82B/21, khu phố N 1, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

4. Bà Đặng Thị Ngọc Đ1 (tên gọi khác Chị Hai R), sinh năm 1955; địa chỉ: Số 955A/16, khu phố B1, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

5. Ông Nguyễn Bá Q, sinh 1976; địa chỉ: Số 82B/21, khu phố N 1, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 83B/21, khu phố N 1, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phan Văn B.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Năm 2017, bà Lê Thị Thu T tham gia chơi 03 dây hụi do bà Nguyễn Thị Kim L1 (tên gọi khác: E) làm chủ hụi. Trong 03 dây hụi đều có 15 người chơi, mỗi dây 21 phần, một phần đóng 20.000.000 đồng/tháng. Bà Lê Thị Thu T tham gia 03 dây, mỗi dây 01 phần. Theo thỏa thuận, 03 dây hụi khai cùng ngày, mỗi tháng khai 01 lần, thành viên bỏ lãi cao thì được hốt hụi, chủ hụi được hưởng hoa hồng 10.000.000 đồng/01 dây hụi, người hốt hụi sẽ có trách nhiệm thanh toán hoa hồng cho chủ hụi. Bà Nguyễn Thị Kim L1 vừa là chủ hụi vừa là thành viên tham gia chơi hụi.

Ba dây hụi, được khai làm 03 kỳ, cụ thể:

- Kỳ 1: Khai ngày 15/6/2017, bỏ lãi 3.000.000 đồng/phần. Dây 1: Có 02 phần thành viên không đóng. Bà Nguyễn Thị Kim L1 (E) hốt số tiền 306.000.000 đồng. Dây 2: Có 02 phần thành viên không đóng. Ông Võ Văn N hốt số tiền 323.000.000 đồng, căn trừ hụi ông N phải đóng, số tiền ông hốt thực tế là 238.000.000 đồng. Dây 3: Có 02 phần thành viên không đóng. Bà Đặng Thị Ngọc Đ1 (R) hốt số tiền 323.000.000 đồng.

- Kỳ 2: Khai ngày 14/7/2017, bỏ lãi 5.200.000 đồng/phần. Có 02 phần thành viên không đóng cho 3 dây. Ông Võ Văn N hốt hết 03 dây, số tiền 854.000.000 đồng.

- Kỳ 3: Khai ngày 18/8/2017, bỏ lãi 4.500.000 đồng/phần. Dây 1 và dây 2: Có 02 phần thành viên không đóng. Ông Phan Văn B hốt 02 dây với tổng số tiền: 638.000.000 đồng. Dây 3: Có 02 phần thành viên không đóng. Ông Nguyễn Bá Q hốt số tiền 319.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền ông N hốt hụi là 1.092.000.000 đồng, có số tiền bà T đóng là 80.000.000 đồng; số tiền bà Đ1 (R) hốt là 323.000.000 đồng, có tiền của bà T đóng là 20.000.000 đồng; số tiền bà L1 hốt hụi là 306.000.000 đồng, có số tiền của bà T đóng là 20.000.000 đồng; số tiền ông B hốt là 638.000.000 đồng, có số tiền bà T đóng là 40.000.000 đồng; số tiền ông Q hốt là 319.000.000 đồng, trong đó có tiền của bà T đóng là 20.000.000 đồng.

Sau khi các bị đơn hốt hụi thì không đóng tiếp nữa làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Từ tháng 9/2017, các dây hụi không hoạt động nữa. Năm 2018, ông N đã trả cho bà T 45.119.496 đồng, còn nợ lại 34.880.504 đồng; bà Đ (R) trả 6.777.021 đồng, còn nợ lại 13.222.979 đồng; bà Kim L1 (E) trả 6.777.021 đồng, còn

nợ lại 13.222.979 đồng; ông B trả 33.232.177 đồng, còn nợ lại 13.535.647 đồng; ông Q trả 6.777.021 đồng, còn nợ lại 13.222.979 đồng.

Theo đơn khởi kiện, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Võ Văn N hoàn trả 34.880.504 đồng nợ hui và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 9.436.737 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày), lãi suất 10%/năm với tổng số tiền: 44.317.241 đồng.

- Buộc bà Đặng Thị Ngọc Đ1 (R) hoàn trả 13.222.979 đồng nợ hui và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 3.577.407 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày)) lãi suất 10%/năm với tổng số tiền: 16.800.387 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim L1 (E) hoàn trả 13.222.979 đồng nợ hui và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 3.577.407 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày) lãi suất 10%/năm với tổng số tiền: 16.800.387 đồng.

- Buộc ông Phan Văn B hoàn trả 6.767.823 đồng nợ hui và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 1.830.999 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020 (974 ngày) lãi suất 10%/năm với tổng số tiền: 8.598.822 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Bá Q hoàn trả 13.222.979 đồng nợ hui và bồi thường thiệt hại đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 3.577.407 đồng (tạm tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 15/5/2020, (974 ngày) lãi suất 10%/năm với tổng số tiền: 16.800.387 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bồi thường thiệt hại. Đồng thời xác định các yêu cầu cụ thể như sau:

- Buộc ông Võ Văn N hoàn trả 34.880.504 đồng nợ hui.
- Buộc bà Đặng Thị Ngọc Đ1 (E) hoàn trả 13.222.979 đồng nợ hui.
- Buộc bà Nguyễn Thị Kim L1 (E) hoàn trả 13.222.979 đồng nợ hui.
- Buộc ông Phan Văn B hoàn trả 6.767.823 đồng nợ hui.
- Buộc ông Nguyễn Bá Q hoàn trả 13.222.979 đồng nợ hui.

*Bị đơn ông Võ Văn N trình bày:*

Ông quen biết bà Nguyễn Thị Kim N do làm ăn chung với nhau, còn bà Nguyễn Thị Kim Loan ông biết là em gái của bà N. Bà Lê Thị Thu T là thành viên cùng tham gia chơi hui do bà N làm chủ hui.

Khoảng tháng 4, 5/2017, bà Nguyễn Thị Kim N rủ chơi hui. Đến tháng 6/2017 bắt đầu chính thức khai hui. Tất cả có 03 dây hui, mỗi dây có 15 thành viên. Ông tham gia 03 dây, mỗi dây 02 phần, mỗi phần đóng 20.000.000 đồng. Kỳ khai hui, thành viên đóng phần hui sống sau khi trừ tiền lãi. Ông N đã hốt 04 phần hui với tổng số tiền là 1.177.000.000 đồng, ông đóng tiền hoa hồng cho bà N 40.000.000 đồng, còn bà N chia số tiền hoa hồng cho ai thì ông không biết. Trong số tiền hui ông hốt có phần đóng hui sống của bà T. Trường hợp dây hui vẫn tiếp tục hoạt động thì bà T hốt hui trong đó ông phải đóng phần hui chết với số tiền 20.000.000 đồng.

Trong tổng số tiền hội ông N hót 1.177.000.000 đồng, ông không nhận về mà bà N giữ, đồng thời ông đưa thêm 23.000.000 đồng cho bà N là 1.200.000.000 đồng để bà N mua cổ phần FPT. Số tiền này là số tiền bà N lừa đảo chiếm đoạt tài sản và ông là bị hại trong vụ án hình sự đang được cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương điều tra. Từ 9/2017, các dây hội không hoạt động nữa, bà N bị cơ quan điều tra truy tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và hiện đang bị tạm giam. Ông N xác định số tiền hội ông hót ông không nhận mà bà N giữ nên bà N phải có trách nhiệm trả tiền cho bà T.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 10/9/2020, ông N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Bị đơn bà Đặng Thị Ngọc Đ1 trình bày:*

Bà Đ1 cho rằng bà Kim L1 (E) làm chủ hội là không đúng, mà mọi việc tổ chức chơi các dây hội, các hội viên đóng tiền đều do bà N (N chị) đứng ra tổ chức và nhận tiền của các hội viên, bà Đ1 chỉ hót hội với số tiền 306.000.000 đồng chứ không phải 323.000.000 đồng như đơn khởi kiện của bà T. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ1 hoàn trả 13.222.979 đồng nợ hội, bà Đ1 xác định bà đã hót hội nhưng không lấy tiền mà tất cả đều đưa cho bà N để hùn vốn làm ăn (mua cổ phần của FTP), nên bà N phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền hội trên.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L1 trình bày:*

Bà L1 là em gái ruột của bà Nguyễn Thị Kim N (thường gọi là N chị), mọi người thường gọi bà L1 là N em. Khoảng tháng 5, 6 năm 2017, bà N cùng với nhóm bạn trong tập thể mua cổ phần FPT có lập 03 dây hội, mỗi dây tham gia chơi là 20.000.000 đồng/01 phần. Do không có điều kiện để mua cổ phần của FPT nên bà N cùng với nhóm bạn cùng đề cử bà L1 làm chủ hội để được hưởng tiền hoa hồng. Bà L1 làm chủ hội cả 03 dây hội đồng thời tham gia với tư cách người chơi hội 02 dây là dây 01 và dây 02, việc bà L1 làm chủ hội chỉ trên hình thức và nhận tiền hoa hồng của mỗi kỳ. Đến kỳ đóng tiền thì các hội viên đóng cho bà L1 nhưng ngay sau khi các hội viên đóng tiền thì bà L1 chuyển luôn số tiền mà các hội viên đã đóng cho hội viên hót hội của kỳ đó. Còn việc bà L1 tham gia chơi hội là do bà N đóng tiền và bà N cũng là người hót phần hội của bà L1, số tiền bao nhiêu thì bà L1 cũng không biết (vì bà L1 không được nhận) và bà N sử dụng luôn số tiền này. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L1 hoàn trả 13.222.979 đồng nợ hội thì bà L1 không đồng ý. Bà L1 xác định không hót hội của các hội viên mà do bà N hót phần hội của bà L1 nên bà Nguyễn Thị Kim N phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền hội trên.

*Bị đơn ông Phan Văn B trình bày:*

Ông thống nhất với phần trình bày của đại diện nguyên đơn về việc tham gia các dây hội, hót hội, đồng ý với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tiền bồi thường là 1.830.999 đồng, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả số tiền nợ hội còn lại, chỉ đồng ý trả số tiền tương ứng với số tiền ông đã nhận (ông hót 02 dây hội, mỗi dây bỏ lãi 4.500.000 đồng, hội sống đóng 15.500.000 đồng) chứ không đồng ý trả với số tiền 20.000.000 đồng/1 phần hội. Ngoài ra, ông B không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

*Bị đơn ông Nguyễn Bá Q trình bày:*

Tháng 6/2017, bà N và bạn bè của bà N mua cổ phần FPT, ông không có tiền mua cổ phần, bà N muốn giúp đỡ ông có thêm thu nhập nên đã ghi tên ông tham chơi một phần hụi để mua cổ phần FPT. Bà N đã bỏ tiền ra mua cổ phần FPT cho ông. Tháng 8/2017, bà N hốt hụi mang tên ông. Từ việc chơi hụi và mua cổ phần đều do bà N sắp xếp cho ông, ông biết bà T nhưng không tiếp xúc, không có bất cứ thỏa thuận nào và cũng không ký nhận tiền gì từ bà T. Vì vậy, bà T yêu cầu ông phải trả tiền hụi ông không đồng ý vì ông không hốt hụi mà do bà N hốt nên bà N phải có trách nhiệm trả tiền hụi cho bà T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:*

Bà là chị ruột của bà L1 và ông Q, còn ông N, bà T, bà Đ1 và ông B là người quen biết cùng tham gia chơi hụi.

Khoảng tháng 6/2017, bà có tham gia chơi 03 dây hụi, lúc đầu các thành viên trong dây hụi đề cử bà là chủ hụi nhưng bà không làm mà để cho bà L1 làm chủ hụi vì hoàn cảnh của bà L1 khó khăn, mọi người thống nhất chi tiền hoa hồng cho bà L1 để giúp đỡ bà L1. Tiền hoa hồng là 10.000.000 đồng/01 lần hốt hụi. Trong 03 dây hụi, bà N chơi 07 phần, mỗi phần 20.000.000 đồng và bà chưa hốt phần hụi nào. Ông N đã hốt 04 phần, ông B hốt hết 02 phần. Số tiền hốt hụi của ông N và ông B đã đưa cho bà để bà mua cổ phần FPT. Bà L1 có tham gia chơi hụi và cũng mua cổ phần FPT, do trước đó bà N cho bà L1 vay tiền để mua cổ phần FPT nên phần hụi của bà L1 là do bà N hốt để cân trừ vào khoản nợ vay.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà N đồng ý để ông B, ông N có trách nhiệm trả tiền cho nguyên đơn. Phân trách nhiệm của bà L1, ông Quý, bà Đ1 thì sẽ do bà trả thay.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương đã quyết định:*

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn ông Võ Văn N bồi thường số tiền là 9.436.737 (chín triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi bảy) đồng; bà Đặng Thị Ngọc Đ1 bồi thường số tiền là 3.577.407 (ba triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm linh bảy) đồng; bà Nguyễn Thị Kim L1 bồi thường số tiền 3.577.407 (ba triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm linh bảy) đồng; ông Nguyễn Bá Q bồi thường số tiền 3.577.407 (ba triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm linh bảy) đồng; ông Phan Văn B bồi thường số tiền 1.830.999 (một triệu tám trăm ba mươi nghìn chín trăm chín mươi chín) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu T đối với bị đơn ông Võ Văn N, bà Đặng Thị Ngọc Đ1, ông Phan Văn B, bà Nguyễn Thị Kim L1 và ông Nguyễn Bá Q về tranh chấp hụi.

- Buộc bị đơn ông Võ Văn N có nghĩa vụ trả cho Lê Thị Thu T số tiền hụi còn nợ là 34.880.504 (ba mươi bốn triệu tám trăm tám mươi tám nghìn năm trăm linh bốn) đồng.

- Buộc bà Đặng Thị Ngọc Đ1 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Thu T số tiền hụi còn nợ là 13.222.979 (mười ba triệu hai trăm hai mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi chín) đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim L1 có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Thu T số tiền hụi còn nợ là 13.222.979 (mười ba triệu hai trăm hai mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi chín) đồng.

- Buộc ông Nguyễn Bá Q có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Thu T số tiền hụi còn nợ là 13.222.979 (mười ba triệu hai trăm hai mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi chín) đồng.

- Buộc ông Phan Văn B có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Thu T số tiền hụi còn nợ là 6.767.823 (sáu triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi ba) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, trách nhiệm thi hành án, quyền kháng cáo.

Sau khi có án sơ thẩm, bị đơn ông Phan Văn B có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu tính lãi hụi của nguyên đơn; ông B chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền đã nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hữu L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Phan Văn B. Bị đơn ông Phan Văn B đồng ý với việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bị đơn tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Phan Văn B, được bị đơn ông Phan Văn B đồng ý và bị đơn ông Phan Văn B rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn B.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị Thu T, các bị đơn ông Võ Văn N, bà Đặng Thị Ngọc Đ1, ông Nguyễn Bá Q và bà Nguyễn Thị Kim L1 không kháng cáo bản án sơ thẩm. Do đó, quyết định của bản án sơ thẩm liên quan đến quyền lợi của bà Lê Thị Thu T, ông Võ Văn N, bà Đặng Thị Ngọc Đ1, ông Nguyễn Bá Q và bà Nguyễn Thị Kim L1 không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 282 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại đơn khởi kiện và lời khai của các bên đương sự đều thể hiện: Bà Lê Thị Thu T, ông Phan Văn B và một số người khác là thành viên góp vốn trong các dây hội do bà Nguyễn Thị Kim L1 (hay gọi là E) làm chủ hội, mỗi kỳ góp hội, giao tiền hội thì chủ hội được hưởng tiền hoa hồng. Do đó, nếu không có thỏa thuận khác bà Lê Thị Thu T (hội viên) không có quyền khởi kiện ông Phan Văn B (hội viên) để đòi tiền nợ hội khi dây hội bị chấm dứt hoạt động; trong trường hợp này trách nhiệm với các hội viên là chủ hội. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ có thỏa thuận nào khác giữa bà T và ông B, bà T có quyền khởi kiện ông B hay không mà thụ lý yêu cầu khởi kiện giữa bà T và ông B là chưa đúng bản chất của giao dịch dân sự về hội. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Phan Văn B, được bị đơn ông Phan Văn B đồng ý và ông B tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Phan Văn B và việc rút yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn B là hoàn toàn tự nguyện; không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự khác trong vụ án nên được chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo là bị đơn ông Phan Văn B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 147, 148, 289, 308, 310 và 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu T đối với bị đơn ông Phan Văn B về việc “Tranh chấp giao dịch dân sự về hội”.

2. Chấp nhận việc rút yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn B.

3. Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương về việc tranh chấp giao dịch dân sự về hội giữa nguyên đơn bà Lê Thị Thu T với bị đơn ông Phan Văn B và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 387/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp giao dịch dân sự về hội”.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Văn B phải chịu 338.391 đồng (ba trăm ba mươi tám nghìn ba trăm chín mươi một đồng).

Trả lại cho bà Lê Thị Thu T 2.583.000 đồng (hai triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0040672 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Bình Dương.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn B phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0048591 ngày 22/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Bình Dương. Trả cho ông Phan Văn B 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn thừa.

6. Những phần Bản án dân sự sơ thẩm số 72/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bình Dương có liên quan đến quyền lợi của bà Lê Thị Thu T, ông Võ Văn N, ông Nguyễn Bá Q, bà Đặng Thị Ngọc Đ1, bà Nguyễn Thị Kim L1 không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố A;
- TAND thành phố A;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Trúc**



